

Số: 53/TB-ĐGS

Bình Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2018

## THÔNG BÁO

**Đề cương chi tiết báo cáo phục vụ đợt giám sát  
của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính  
nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

Đoàn giám sát thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo chi tiết đến các địa phương, cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

*(Kèm theo Đề cương, Phụ lục).*

\* Đơn vị chịu sự giám sát:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông - vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng;

- Ủy ban nhân dân 09 huyện, thị xã, thành phố;

- Ủy ban nhân dân 18 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (mỗi đơn vị cấp huyện chọn 02 đơn vị cấp xã - danh sách kèm theo).

\* Mốc thời gian báo cáo: từ tháng 01/2016 đến 06/2018.

\* Thời gian hoàn thành báo cáo gửi về Đoàn giám sát chậm nhất là ngày 31/12/2018.

\* Đề nghị các đơn vị chịu sự giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương, gửi về Đoàn giám sát theo địa chỉ:

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương, Tầng 15, Tháp B, Trung tâm Hành chính tỉnh. Email: [vphdnd@binhduong.gov.vn](mailto:vphdnd@binhduong.gov.vn).


Các vấn đề liên quan đến Kế hoạch giám sát đề nghị liên hệ trực tiếp đồng chí Nguyễn Khoa Diệu An - Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh, Tổ trưởng Tổ Thư ký Đoàn giám sát, điện thoại: 0918.883.368.

Đoàn giám sát thông báo đến cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên của Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Tổng hợp;
- Trang thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT**  
**TRƯỞNG ĐOÀN**



**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH**  
**Nguyễn Thị Kim Oanh**



## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

# THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Thực hiện theo Thông báo số 53/TB-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ các nội dung theo đề cương giám sát, đề nghị các cơ quan chịu sự giám sát thực hiện báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể như sau:

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG/CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

- Vị trí địa lý, dân số;
- Tổ chức đơn vị hành chính, chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Những thuận lợi, khó khăn tác động đến việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước.

### II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

#### 1. Kết quả thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

- Nêu rõ việc xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị;
- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch.

#### 2. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính (tổng số văn bản đã ban hành, nội dung và tình hình triển khai thực hiện các văn bản đó);
- Việc triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính, xác định chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị;
- Công tác theo dõi, thi đua, đánh giá và khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính;
- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

#### 3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị;
- Công tác kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ cải cách hành chính, thanh tra công vụ; việc phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

#### **4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

- Việc xây dựng, triển khai thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020;

- Kết quả, hiệu quả của việc thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính (nêu rõ hình thức thực hiện, số cuộc, số lượt người, đối tượng tuyên truyền, nội dung tập trung, mức độ hoàn thành);

- Công tác phối hợp triển khai có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính giữa các cơ quan có liên quan.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **1. Cải cách thể chế**

- Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành (nêu rõ tổng số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành);

- Tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật (nêu cụ thể số lượng các văn bản đã được rà soát, số văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực, hủy bỏ, điều chỉnh, bổ sung; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát);

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật phải triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị theo quy định);

- Công tác kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra thực hiện so với tổng số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra).

#### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Việc xây dựng, hoàn thiện, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính;

- Việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hằng năm của UBND tỉnh;

- Kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực (nêu rõ số thủ tục hành chính thuộc cơ quan, đơn vị giải quyết, số thủ tục đã được rà soát, đơn giản hóa);

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công (nêu rõ số lượng, các thủ tục hành chính nào được liên thông);

- Việc cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp;

- Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính;

- Tình hình, kết quả triển khai, thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ bưu chính (nêu rõ số hồ sơ đã được tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính);

- Công tác kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh;

- Công tác tuyển chọn, bố trí, quản lý, sử dụng, đào tạo, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa;

- Tình hình, hiệu quả của việc thực hiện đánh giá, nhận xét cán bộ, công chức, viên chức tham gia xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí phục vụ nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

- Tình hình triển khai thực hiện các quy định của trung ương và của tỉnh liên quan đến công tác tổ chức, sắp xếp bộ máy của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc;

- Công tác rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính;

- Việc quy định lại chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

- Tình hình thực hiện Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015 - 2021;

- Tình hình thực hiện Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 12/02/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII);

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 711-QĐ/TW ngày 11/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII;

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình số 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công tác thanh, kiểm tra trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của cơ quan, địa phương.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Đánh giá chung về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

- Việc triển khai thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý;

- Việc xây dựng và phê duyệt đề án cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tình hình triển khai Kế hoạch xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị (nêu rõ, số đơn vị sự nghiệp công lập đã xây dựng cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt và tiến độ thực hiện trên thực tế của các cơ quan, đơn vị này);

- Tình hình triển khai thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 09/8/2016 của Tỉnh ủy về “*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ khoa học - kỹ thuật và đội ngũ công nhân lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới*”;

- Tình hình thực hiện công tác cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của công chức chuyên trách cải cách hành chính.

#### **5. Cải cách tài chính công**

- Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính; Tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện chi tiêu tại các cơ quan đơn vị hành chính, gắn với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (nêu rõ những kết quả đạt được; những khó khăn, hạn chế; nguyên nhân; giải pháp khắc phục);

- Tình hình sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; đổi mới, sắp xếp lại hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, gắn với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (nêu rõ những kết quả đạt được; những khó khăn, hạn chế; nguyên nhân; giải pháp khắc phục);

- Tình hình thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, cơ sở hạ tầng đô thị... (nêu rõ những kết quả đạt được; những khó khăn, hạn chế; nguyên nhân; giải pháp khắc phục);

- Tình hình thực hiện khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

#### **6. Hiện đại hóa hành chính**

- Việc đảm bảo phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ trong hoạt động chuyên môn;

- Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan thông qua việc sử dụng mạng thông tin điện tử hành chính;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân;

- Việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ cho người dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực;

- Việc cung cấp thông tin, thủ tục hành chính trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan; công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin;

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử; việc cập nhật thông tin hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử;

- Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, TCVN ISO 9001:2015.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC; NHỮNG TÒN TẠI, HẠN CHẾ, BẤT CẬP, NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỪNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.**

#### **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG TRONG THỜI GIAN TỚI.**

**\* Lưu ý:**

- Đề nghị các đơn vị chịu sự giám sát thực hiện báo cáo cần có đánh giá so sánh với mục tiêu đề ra.

- Đối với kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (Mục III), đề nghị các sở, ngành báo cáo rõ việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan, đơn vị và hệ thống ngành; đồng thời báo cáo tình hình, kết quả tham mưu cho UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nếu có).



## DANH SÁCH 18 XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018  
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

Địa phương chịu sự giám sát		
1	THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT	UBND phường Phú Cường
		UBND phường Hòa Phú
2	THỊ XÃ THUẬN AN	UBND phường Lái Thiêu
		UBND phường Bình Hòa
3	THỊ XÃ DĨ AN	UBND phường Dĩ An
		UBND phường Đông Hòa
4	THỊ XÃ TÂN UYÊN	UBND phường Uyên Hưng
		UBND xã Hội Nghĩa
5	THỊ XÃ BẾN CÁT	UBND phường Mỹ Phước
		UBND xã Phú An
6	HUYỆN BÀU BÀNG	UBND thị trấn Lai Uyên
		UBND xã Lai Hưng
7	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN	UBND thị trấn Tân Thành
		UBND xã Tân Lập
8	HUYỆN DẦU TIẾNG	UBND thị trấn Dầu Tiếng
		UBND xã Thanh Tuyên
9	HUYỆN PHÚ GIÁO	UBND thị trấn Phước Vĩnh
		UBND xã Vĩnh Hòa





Phụ lục 1

**THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

*Thực hiện kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)*

TT	Kế hoạch	Số lượng	Nội dung	Thời gian ban hành	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Kế hoạch CCHC năm					
2	Kế hoạch kiểm tra CCHC					
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC					
4	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC					
5	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện					
6	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức					
7	Kế hoạch ứng dụng CNTT					

Phụ lục 2

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018  
của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)

<b>Nội dung</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
Số phòng, ban, đơn vị thuộc sở, ban, ngành			
Số đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc sở, ban, ngành			
Tổ chức khoa học và công nghệ công lập			
Số phòng chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố			
Số đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, thị xã, thành phố			

**Phụ lục 3**

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Bản tính kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)*



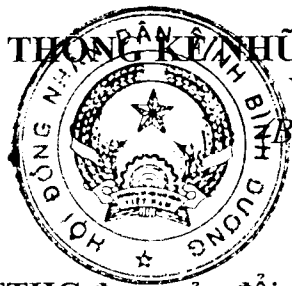
TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (So với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	UBND cấp huyện	UBND cấp xã		
1	Số TTHC được công khai niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại đơn vị, trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử						
2	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa						
3	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông						

**Phụ lục 4**

**SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 7 tháng 7 năm 2018  
của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)*

Nội dung	Loại văn bản		
	Nghị quyết	Quyết định	Tổng
1. Số lượng VB QPPL đã ban hành			
2. Số lượng VB QPPL đã được rà soát			
- Kết quả:			
+ Tự bãi bỏ			
+ Tự sửa đổi			
+ Đề nghị cấp trên sửa đổi hoặc bãi bỏ			



**Phụ lục 5**

**THÔNG KÊ NHỮNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BÃI BỎ THEO THẨM QUYỀN  
VÀ ĐỀ NGHỊ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN SỬA ĐỔI BÃI BỎ**

*Ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018  
của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)*

**I. Những TTHC được sửa đổi, bãi bỏ theo thẩm quyền**

TT	Lĩnh vực	Tên TTHC	Văn bản quy định	Sửa đổi/Bãi bỏ	Văn bản sửa đổi/bãi bỏ	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

**II. Những TTHC đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ:**

TT	Lĩnh vực	Tên TTHC	Văn bản quy định	Đề nghị sửa đổi/Bãi bỏ	Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi/bãi bỏ	Phương án sửa đổi đề xuất	Ghi chú

**Phụ lục 6**  
**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**  
*(Đối với các sở, ngành đã thực hiện cơ chế một cửa)*  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018*  
*của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)*

TT	Tên lĩnh vực công việc thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa	Kết quả giải quyết								
		Tổng số hồ sơ đã nhận	Số hồ sơ đã giải quyết				Tổng số hồ sơ trả lại		Hồ sơ chưa giải quyết	
			Tổng số	Trả đúng hạn	Trả chậm		Tổng số	Lý do	Tổng số	Lý do
Tổng số	Lý do									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>Tổng cộng</b>									



**Phụ lục 7**

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

(Đối với UBND cấp huyện)

*Bản mẫu kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh*

TT	Tên lĩnh vực công việc thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa	Tổng số hồ sơ đã nhận	Số hồ sơ đã giải quyết				Tổng số hồ sơ trả lại		Hồ sơ chưa giải quyết	
			Tổng số	Trả đúng hạn	Trả chậm		Tổng số	Lý do	Tổng số	Lý do
					Tổng số	Lý do				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I</b>	<b>Cấp huyện</b>									
1										
2										
3										
4										
5										
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>									
1										
2										
3										
4										
	<b>Tổng cộng</b>									

**Phụ lục 8**  
**THỐNG KÊ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ**  
**VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**  
**CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ DOANH NGHIỆP**  
**THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2006/QĐ-TTG NGÀY 24/01/2007**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**



(Kèm theo Thông báo số 53/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018  
 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)

TT	Cá nhân, tổ chức kiến nghị	Hình thức tiếp nhận	Nội dung kiến nghị, phản ánh	Lĩnh vực kiến nghị, phản ánh	Kết quả		
					Đã xử lý	Chưa xử lý	Lý do chưa xử lý



**Phụ lục 9**

**SỐ LIỆU VỀ THU HÚT NHÂN TÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 35/TB-ĐGS ngày 27 tháng 7 năm 2018  
của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)*

<b>Đối tượng</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Đối tượng thu hút</b>		
1.1 Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ		
1.2 Sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi		
1.3 Bác sỹ chuyên khoa cấp I, II, Dược sỹ chuyên khoa cấp I, II		
<b>2. Tuyển mới</b>		
2.1. Tiến sĩ		
2.2. Thạc sĩ		
2.3. Sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi		